

BÁO CÁO TÀI CHÍNH **QUÝ IV NĂM 2017**

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG DỊCH VỤ
DẦU KHÍ TỔNG HỢP PTSC THANH HÓA

TỔNG CÔNG TY CP DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM
CÔNG TY CP CẢNG DỊCH VỤ DẦU KHÍ TỔNG HỢP PTSC THANH HÓA

Địa chỉ : Xã Nghi Sơn, Huyện Tĩnh Gia, Tỉnh Thanh Hóa
 BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4 NĂM 2017

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Mẫu số B 01 - HN
 (Ban hành theo TT số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng BTC)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

TÀI SẢN	Mã	TM	Số cuối kỳ	
			Số cuối kỳ	Số đầu năm
A.TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		380,004,726,380	305,228,657,528
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	79,824,521,720	58,152,530,616
1. Tiền	111		79,824,521,720	20,818,108,521
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	37,334,422,095
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		87,438,591,296	52,522,446,191
1. Chứng khoán kinh doanh	121			
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2	87,438,591,296	52,522,446,191
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		194,209,161,859	170,834,464,891
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	170,241,188,464	170,493,196,856
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	14,689,038,355	1,503,749,652
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng XD	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135			
6. Phải thu ngắn khác	136	V.5	15,385,421,591	3,087,290,763
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	V.6	(6,106,486,551)	(4,249,772,380)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	138			
IV. Hàng tồn kho	140		16,829,209,568	23,041,752,811
1. Hàng tồn kho	141	V.7	16,829,209,568	23,041,752,811
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1,703,241,937	677,463,019
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8	811,752,397	677,463,019
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		891,489,540	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153			-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính Phủ	154			
4. Tài sản ngắn hạn khác	158			

Mẫu số B 01 - HN

Đvt: VNĐ

Số đầu năm

TỔNG CÔNG TY CP DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM
CÔNG TY CP CẢNG DỊCH VỤ DẦU KHÍ TỔNG HỢP PTSC THANH HÓA

Địa chỉ : Xã Nghi Sơn, Huyện Tĩnh Gia, Tỉnh Thanh Hóa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4 NĂM 2017

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Mẫu số B 01 - HN

(Ban hành theo TT số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng BTC)

B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		384,645,014,808	372,437,855,244
I- Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	211		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		339,506,321,792	367,038,476,242
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	338,739,988,458	367,038,476,242
- Nguyên giá	222		579,448,099,582	569,574,095,097
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(240,708,111,124)	(202,535,618,855)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	766,333,334	-
- Nguyên giá	228		1,639,261,714	311,989,714
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(872,928,380)	(311,989,714)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		4,419,009,619	2,164,123,725
1. Chi phí SXKD dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.11	4,419,009,619	2,164,123,725
V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		40,719,683,397	3,235,255,277
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.12	39,694,702,073	2,558,009,890
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.13	1,024,981,324	677,245,387
3. Thiết bị, vật tư phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	280		764,649,741,188	677,666,512,772

TỔNG CÔNG TY CP DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM
CÔNG TY CP CẢNG DỊCH VỤ DẦU KHÍ TỔNG HỢP PTSC THANH HÓA

Địa chỉ : Xã Nghi Sơn, Huyện Tĩnh Gia, Tỉnh Thanh Hóa
BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4 NĂM 2017

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Mẫu số B 01 - HN

(Ban hành theo TT số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng BTC)

NGUỒN VỐN	Mã	TM	Số cuối kỳ	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		263,232,273,344	184,629,147,203
I. Nợ ngắn hạn	310		209,976,613,960	184,629,147,203
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.14	116,283,515,084	116,217,418,487
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.15	23,626,071,473	2,105,117,629
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.16	593,835,324	3,429,041,888
4. Phải trả người lao động	314		10,188,594,517	9,631,090,962
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.17	35,669,282,816	28,651,221,733
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316	V.18	20,293,965,223	22,265,141,740
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng XD	317			
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318			-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.19	1,779,030,096	1,303,230,914
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320			-
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321			
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.20	1,542,319,427	1,026,883,850
13. Quỹ bình ổn giá				
14. Giao dịch mua bán trái phiếu Chính phủ				
II. Nợ dài hạn	330		53,255,659,384	-
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332			
3. Chi phí phải trả dài hạn	333			
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334			
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	V.21	53,255,659,384	-
7. Phải trả dài hạn khác	337			
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339			
10. Cổ phiếu ưu đãi	340			
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341			-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học công nghệ	343			

**TỔNG CÔNG TY CP DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM
CÔNG TY CP CẢNG DỊCH VỤ DẦU KHÍ TỔNG HỢP PTSC THANH HÓA**

Địa chỉ : Xã Nghi Sơn, Huyện Tĩnh Gia, Tỉnh Thanh Hóa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4 NĂM 2017

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Mẫu số B 01 - HN

(Ban hành theo TT số 200/2014/TT-BTC

ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng BTC)

D. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 430)	400		501,417,467,844	493,037,365,569
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.22	501,417,467,844	493,037,365,569
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		400,000,000,000	400,000,000,000
+ Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		400,000,000,000	400,000,000,000
+ Cổ phiếu ưu đãi	411b			
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413			
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ (*)	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417			
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		24,762,484,050	24,762,484,050
9. Quỹ dự phòng tài chính	419			
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		76,654,983,794	68,274,881,519
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		43,880,881,519	68,274,881,519
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		32,774,102,275	
9. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
1. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
E - LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	500		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	600		764,649,741,188	677,666,512,772

Thanh Hóa, ngày 15 tháng 01 năm 2018



Nguyễn Văn Mạnh
Người lập



Nguyễn Hữu Hoan
Kế toán trưởng



Phạm Hùng Phương
Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH QUÝ 4 NĂM 2017

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Mẫu số B 02 - DN ĐVT: VNĐ			
			Quý 4 năm 2017	Quý 4 năm 2016	Lũy kế năm 2017	Lũy kế năm 2016
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	228,029,635,083	134,977,018,996	662,920,362,886	451,562,351,337
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		228,029,635,083	134,977,018,996	662,920,362,886	451,562,351,337
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	212,296,678,763	121,114,389,412	598,967,738,769	401,909,413,422
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		15,732,956,320	13,862,629,584	63,952,624,117	49,652,937,915
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	1,645,652,577	1,945,604,399	6,465,175,708	5,803,218,063
7. Chi phí tài chính	22		11,866,127	-	416,087,512	1,990,406
Trong đó: chi phí lãi vay	23		(45,040)	-	404,176,345	-
8. Chi phí bán hàng	24		-	-	-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.4	11,749,383,964	8,829,115,218	34,992,062,373	24,279,859,393
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		5,617,358,806	6,979,118,765	35,009,649,940	31,174,306,179
11. Thu nhập khác	31	VI.5	73,893,197	69,293,084	92,622,136	130,779,967

Báo cáo này phải được đọc đồng thời với thuyết minh Báo cáo tài chính từ trang 17 đến trang 19

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM
CÔNG TY CP CĂNG DỊCH VỤ DẦU KHÍ TỔNG HỢP PTSC THANH HÓA**

ĐỊA CHỈ: Xã Nghi Sơn, Huyện Tĩnh Gia, Tỉnh Thanh Hóa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4 NĂM 2017

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Mẫu số B 02 - DN
(Ban hành theo TT số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng BTC)

12. Chi phí khác	32	-	-	566,551,669	155,792,422	
13. Lợi nhuận khác	40	73,893,197	69,293,084	(473,929,533)	(25,012,455)	
14 Lợi nhuận công ty liên doanh, liên kết				-	-	
15 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	5,691,252,003	7,048,411,849	34,535,720,407	31,149,293,724	
16 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VL.6	270,775,771	211,742,544	2,109,354,068	1,943,379,566
17 Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	VL.7	14,986,829	140,978,013	(347,735,936)	(86,087,947)
18 Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		5,405,489,403	6,695,691,292	32,774,102,275	29,292,002,105
Phân phối cho: - Cổ đông của Tổng công ty - Lợi ích của cổ đông thiểu số				-	-	
19 Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VNĐ)	70			-	-	

Thanh Hóa, ngày 15 tháng 01 năm 2018



Nguyễn Văn Mạnh

Người lập



Nguyễn Hữu Hoan

Kế toán trưởng



Phạm Hùng Phương

Giám đốc

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NA
CÔNG TY CP CĂNG DỊCH VỤ DẦU KHÍ TỔNG HỢP PTSC THANH HÓA

Địa chỉ : Xã Nghi Sơn, Huyện Tĩnh Gia, Tỉnh Thanh Hóa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4 NĂM 2017

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIÁN TIẾP
QUÝ 4 NĂM 2017

Mẫu số B 03 - DN/HN
 ĐVT: VNĐ

CHỈ TIÊU	Mã số TM	Năm nay	Năm trước
I LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	34,535,720,407	31,149,293,724
2. Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao tài sản cố định	02	38,733,430,935	32,724,255,490
Các khoản dự phòng	03	1,856,714,171	666,152,588
Lãi, lỗ thanh lý tài sản cố định	04	-	-
(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	05	(3,425,737)	(194,338)
Lãi từ hoạt động đầu tư	06	(6,461,749,971)	(5,803,023,725)
Chi phí lãi vay	07	404,176,345	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu độn	08	69,064,866,150	58,736,483,739
(Tăng) các khoản phải thu	09	(26,122,900,679)	(78,012,062,283)
(Tăng) hàng tồn kho	10	6,212,543,243	(12,748,430,366)
(Giảm)/Tăng các khoản phải trả	11	75,525,715,490	45,305,417,937
Tăng, giảm chi phí trích trước	12	(37,270,981,561)	1,155,472,713
Tiền lãi vay đã trả	13	(404,176,345)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(1,802,264,889)	(4,937,621,264)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	-	-
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(23,878,564,423)	(7,771,868,566)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	61,324,236,986	1,727,391,910
II LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định	21	(11,201,276,485)	(14,390,854,714)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	22	-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(134,829,742,800)	(40,000,000,000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	99,913,597,695	62,477,553,809
5. Đầu tư vào các công ty khác và đầu tư dài hạn khác	25	-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	26	-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	6,461,749,971	5,452,352,794
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(39,655,671,619)	13,539,051,889

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NA
CÔNG TY CP CẢNG DỊCH VỤ DẦU KHÍ TỔNG HỢP PTSC THANH HÓA

Địa chỉ : Xã Nghi Sơn, Huyện Tĩnh Gia, Tỉnh Thanh Hóa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4 NĂM 2017

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

III LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

1. Nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	32		
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		
4. Cổ tức đã trả cho chủ sở hữu	34		
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	-	-
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	21,668,565,367	15,266,443,799
Tiền và các khoản tương đương tiền tồn đầu năm	60	58,152,530,616	42,885,892,479
- Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	3,425,737	194,338
Tiền và các khoản tương đương tiền tồn cuối năm	70	79,824,521,720	58,152,530,616

Thanh Hóa, ngày 15 tháng 01 năm 2018



Nguyễn Văn Mạnh
Người lập



Nguyễn Hữu Hoan
Kế toán trưởng



Phạm Hùng Phương
Giám đốc

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Quý 4 năm 2017

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn : Công ty Cổ phần Cảng Dịch vụ Dầu khí Tổng hợp PTSC Thanh Hóa (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2801448559 ngày 28 tháng 12 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hóa cấp. Công ty được chuyển đổi từ Công ty TNHH MTV Cảng Dịch vụ Dầu khí Tổng hợp PTSC Thanh Hóa theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh ngày 13 tháng 11 năm 2009, và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh. Cổ đông chính và là công ty mẹ của Công ty là Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam (gọi tắt là “PTSC”).

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 445 (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016: 443 người).

2. Hoạt động chính :

- Quản lý, điều hành, kinh doanh và khai thác cảng, căn cứ dịch vụ kỹ thuật dầu khí; Kinh doanh các dịch vụ cảng; Logistics
- Vận chuyển, bốc xếp, bảo quản, kiểm đếm và giao nhận hàng hoá;
- Kinh doanh vận tải đa phương thức trong và ngoài nước;
- Cung cấp lao động chuyên ngành dầu khí;
- Chế tạo, sửa chữa và bảo dưỡng cơ khí;
- Cung cấp vật tư, thiết bị, thực phẩm phục vụ ngành dầu khí, đại lý tàu biển;
- Cung cấp dịch vụ thử tải, kiểm tra không phá hủy, xử lý nhiệt trước và sau khi hàn, cung cấp dịch vụ hạ thủy; nâng hạ nặng, dịch vụ cân.
- Kinh doanh nhiên liệu, xăng dầu, mỡ bôi trơn và các sản phẩm dầu khí;
- Kinh doanh phân đạm và hoá chất phục vụ nông nghiệp./.

3. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường: Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng

4. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính:

5. Cấu trúc doanh nghiệp:

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính:

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

- Năm tài chính của Doanh nghiệp bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
- Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 là năm tài chính thứ tám của Doanh nghiệp.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Doanh nghiệp áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập Báo cáo tài chính.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Doanh nghiệp sử dụng hình thức kế toán chứng từ ghi sổ.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

2. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

- Nguyên tắc ghi nhận : Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

- Phương pháp tính giá trị : Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền vào cuối mỗi tháng.

- Phương pháp hạch toán : Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

- Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho : Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng theo hướng dẫn của Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính.

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM
CÔNG TY CP CẢNG DỊCH VỤ DẦU KHÍ TỔNG HỢP PTSC THANH HOÁ**

Địa chỉ: Xã Nghi Sơn, Huyện Tĩnh Gia, Tỉnh Thanh Hoá

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4 NĂM 2017

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

3. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ và bất động sản đầu tư

- Nguyên tắc ghi nhận : Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

- Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí khác trong kỳ.

- Phương pháp khấu hao : Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định dựa trên thời gian thực tế có thể khai thác và theo hướng dẫn tại Phụ lục 1 Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính.

4. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao bất động sản đầu tư

- Nguyên tắc ghi nhận bất động sản đầu tư.
- Phương pháp khấu hao bất động sản đầu tư.

5. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính :

- Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết, vốn góp vào cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát.
- Các khoản đầu tư chứng khoán ngắn hạn.
- Các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn khác.
- Phương pháp lập dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn, dài hạn khác.

6. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay :

- Nguyên tắc ghi nhận : Chi phí đi vay là lãi tiền vay và chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến khoản vay của Công ty. Chi phí đi vay sẽ được hạch toán vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ trong kỳ ngoại trừ các khoản chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa) khi đáp ứng đủ điều kiện quy định trong Chuẩn mực kế toán Việt nam số 16 " Chi phí đi vay". Chi phí đi vay được vốn hóa khi Công ty chắc chắn thu được lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó và có thể xác định được một cách đáng tin cậy.

- Tỷ lệ vốn hóa được sử dụng để xác định chi phí đi vay được vốn hóa trong kỳ : Trong trường hợp phát sinh khoản vốn vay chung, trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì số chi phí đi vay có đi điều kiện vốn hóa trong mỗi kỳ kế toán được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh do việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của khoản vay chưa trả trong kỳ. Chi phí đi vay được vốn hóa trong kỳ không vượt quá tổng số chi phí đi vay phát sinh trong kỳ đó.

7. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí khác :

- Chi phí trả trước : Là các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ hạch toán bao gồm các khoản chi phí về công cụ, dụng cụ, chi phí bảo hiểm tài sản,

- Chi phí khác : Là các khoản chi phí thực tế đã phát sinh có liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán, ngoài trừ các khoản chi phí đã nêu trên.

- Phương pháp phân bổ chi phí trả trước : Chi phí trả trước được phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

- Phương pháp và thời gian phân bổ lợi thế thương mại : Lợi thế thương mại được ghi ngay vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ nếu có giá trị nhỏ hoặc được phân bổ dần một cách có hệ thống trong suốt thời gian hữu dụng ước tính nếu có giá trị lớn. Thời gian sử dụng hữu ích phải phải thể hiện được ước tính đúng đắn về thời gian thu hồi lợi ích kinh tế có thể mang lại cho Công ty nhưng tối đa không quá 10 năm.

8. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả :

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên dự toán chi phí hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ. Cuối kỳ kế toán năm, các khoản chi phí phải trả phải được quyết toán với chi phí thực tế phát sinh.

Việc trích trước chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định được căn cứ vào kế hoạch chi phí sửa chữa tài sản cố định. Nếu chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định thực tế cao hơn số đã trích thì phần chênh lệch được hạch toán toàn bộ vào chi phí hoặc phân bổ dần vào chi phí trong thời gian tối đa là 3 năm. Nếu chi phí sửa chữa lớn thực tế nhỏ hơn số đã trích thì phần chênh lệch được hạch toán giảm chi phí trong kỳ.

Chi phí bảo hành công trình xây lắp

Dự phòng cho bảo hành sản phẩm được lập cho từng loại công trình xây lắp có cam kết bảo hành với mức trích lập theo các cam kết với khách hàng.

9. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả.

10. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu :

- Nguyên tắc ghi nhận vốn đầu tư của chủ sở hữu : Được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.
- Nguyên tắc ghi nhận chênh lệch đánh giá lại tài sản.
- Nguyên tắc ghi nhận chênh lệch tỷ giá.
- Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối : Lợi nhuận sau thuế được để lại tại đơn vị.

11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu


- Doanh thu bán hàng : Khi bán hàng hóa, thành phẩm doanh thu được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu hàng hóa đó được chuyển giao cho người mua và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

- Doanh thu cung cấp dịch vụ : Khi cung cấp dịch vụ, doanh thu được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày cuối kỳ.

- Doanh thu hoạt động tài chính : Tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Doanh nghiệp có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch và doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất từng kỳ. Tiền bản quyền được ghi nhận trên cơ sở dồn tích phù hợp với hợp đồng. Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

- Doanh thu hợp đồng xây dựng.

16/12/2017



**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM
CÔNG TY CP CẢNG DỊCH VỤ DẦU KHÍ TỔNG HỢP PTSC THANH HOÁ**

Địa chỉ: Xã Nghi Sơn, Huyện Tĩnh Gia, Tỉnh Thanh Hoá

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4 NĂM 2017

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

- Chi phí tài chính là các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính, chi phí đi vay và cho vay vốn, chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện, ... Chi phí tài chính được ghi nhận trên cơ sở thực tế phát sinh và có liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

- Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất áp dụng tại ngày cuối kỳ. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

- Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

- Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

14. Các nghiệp vụ dự phòng rủi ro hối đoái.

Nghiệp vụ dự phòng rủi ro hối đoái được xem là một hình thức bảo hiểm rủi ro hối đoái nhằm mục đích bảo vệ những nghiệp vụ khác. Lãi, lỗ phát sinh từ nghiệp vụ dự phòng rủi ro hối đoái được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí vào cùng thời điểm khi thực hiện nghiệp vụ được bảo hiểm rủi ro hối đoái.

15. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác

Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác :

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra theo hướng dẫn của Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ:

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được qui đổi theo tỷ giá tại ngày cuối kỳ.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ được hạch toán ngay vào chi phí tài chính hoặc doanh thu tài chính trong năm.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Tiền mặt	272,342,380	304,033,175
- Tiền gửi ngân hàng	79,552,179,340	20,514,075,346
- Các khoản tương đương tiền	-	37,334,422,095
Cộng	79,824,521,720	58,152,530,616

2. Đầu tư tài chính ngắn hạn

	<u>Cuối năm</u>		<u>Đầu năm</u>	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn				
- Tiền gửi có kỳ hạn	87,438,591,296	87,438,591,296	52,522,446,191	52,522,446,191
Cộng	87,438,591,296	87,438,591,296	52,522,446,191	52,522,446,191

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM
CÔNG TY CP CẢNG DỊCH VỤ DẦU KHÍ TỔNG HỢP PTSC THANH HOÁ

Địa chỉ: Xã Nghi Sơn, Huyện Tĩnh Gia, Tỉnh Thanh Hoá

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4 NĂM 2017

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
3. Phải thu khách hàng		
Phải thu khách hàng có số dư trên 10% tổng dư nợ	36,680,320,090	41,241,385,869
- Công ty TNHH Lọc hóa dầu Nghi Sơn	22,357,895,205	-
- Công ty TNHH TATSUMI Việt Nam	14,322,424,885	41,241,385,869
Phải thu khách hàng khác	44,422,866,821	42,712,730,497
Phải thu khách hàng các bên liên quan	89,138,001,553	86,539,080,490
Các bên liên quan cùng Tổng PTSC	88,293,184,020	86,539,080,490
- Tổng Công ty PTSC	72,243,912,598	48,653,990,296
- Công ty Cơ khí Hàng Hải	5,460,372,283	5,460,372,283
- Công ty dịch vụ dầu khí Quảng Ngãi	7,065,629,675	13,095,049,700
- CN Tổng Công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam - Công ty Dịch vụ Dầu khí Đà Nẵng	99,000,000	-
- CN Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam - Công ty Tàu Dịch vụ Dầu khí	63,459,750	-
- Công ty CP Dịch vụ Lắp đặt, Vận hành và Bảo dưỡng Công trình Dầu khí biển PTSC	110,847,000	-
- CN Tổng Công ty PTSC - Ban dự án nhiệt điện Long Phú	3,249,962,714	19,329,668,211
Các bên liên quan cùng Tập đoàn	844,817,533	-
- Tổng công ty Bảo dưỡng-Sửa chữa Công trình Dầu khí	844,817,533	-
Cộng	170,241,188,464	170,493,196,856

4. Trả trước cho người bán

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH Tư vấn và Sáng tạo Thương hiệu Sao Kim	-	19,800,000
Công ty TNHH Quốc tế NOVA Việt Nam	12,163,298,093	-
Công ty CP phát triển Đức Mạnh	978,800,000	-
Hộ Kinh doanh Cá thể Hoàng Văn Tín	42,782,200	42,782,200
Công ty Cổ phần Giải pháp Cảng và Hậu cần	-	468,000,000
Công ty TNHH MTV Thương Mại Quốc Tế Hàn Việt	289,763,536	-
Công ty TNHH Một Thành Viên Mạng Lưới Quả	395,000,000	-
Công ty CP Sao Á	415,019,450	-
Tổng công ty phân bón & hóa chất dầu khí - CTCP	165,000,000	165,000,000
Công ty TNHH thương mại dịch vụ An Phú Minh	-	576,000,000
CN Tổng Công ty Dung dịch khoan và hóa phẩm Dầu khí - CTCP tại	-	163,112,452
Công ty Cổ phần Quảng Cáo Giải Pháp Việt Nam	115,195,000	50,655,000
Công ty Cổ phần Xây Lắp & Thương Mại Trường Lộc	-	15,400,000
Người bán khác	124,180,076	3,000,000
Cộng	14,689,038,355	1,503,749,652

5. Phải thu khác

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
- Tiền thưởng Tết năm 2010	16,418,453	-	16,418,453	-
- Phải thu của NLD	60,374,676	-	60,374,676	-
- Công ty CP Dịch vụ kỹ thuật dầu khí Quảng Ngãi	423,250,350	-	350,074,112	-
- Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	3,701,028,625	-	-	-
- CN Tổng Công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam - Ban dự	1,999,767,214	-	287,896,469	-
- Công ty TNHH Lọc Hóa Dầu Nghi Sơn	4,825,328,056	-	201,346,548	-
- Công ty TNHH TATSUMI Việt Nam	909,582,807	-	-	-
- Phải thu BHXH huyện Tĩnh Gia	-	-	91,180,505	-
- Công ty CP Dịch vụ Lắp đặt, Vận hành và Bảo dưỡng Công trình	5,390,000	-	-	-
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thanh Hóa	618,012,738	-	-	-
- Ngân hàng TMCP Đại Dương - Chi nhánh Thanh Hóa	388,931,506	-	-	-
- Ngân hàng TMCP Đông Nam Á - CN Thanh Hóa	267,555,666	-	-	-
- Phải thu khoản tạm ứng của CBCNV	56,800,000	-	80,000,000	-
- Tổ hợp nhà thầu JGCS	2,000,000	-	-	-
- Phải thu về ký quỹ	2,110,981,500	-	2,000,000,000	-
Cộng	15,385,421,591	-	3,087,290,763	-

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM
CÔNG TY CP CẢNG DỊCH VỤ DẦU KHÍ TỔNG HỢP PTSC THANH HOÁ
 Địa chỉ: Xã Nghi Sơn, Huyện Tĩnh Gia, Tỉnh Thanh Hoá
BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4 NĂM 2017
 Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán	(6,106,486,551)	(4,249,772,380)
- Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 06 tháng đến 1 năm	(1,273,855,116)	(7,214,246)
- Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 01 năm đến 02 năm	-	(452,282,265)
- Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 02 năm đến 03 năm	(621,193,018)	(1,783,396,916)
- Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn trên 03 năm	(4,211,438,417)	(2,006,878,953)
Cộng	(6,106,486,551)	(4,249,772,380)

7. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu	1,533,692,107	-	1,468,512,934	-
- Công cụ, dụng cụ	4,119,502,029	-	1,493,090,455	-
- Hàng đang đi đường	886,078,535	-	-	-
- Chi phí SX KD dở dang ngắn hạn	10,289,936,897	-	20,080,149,422	-
Cộng	16,829,209,568	-	23,041,752,811	-

8. Chi phí trả trước ngắn hạn

	<u>Số đầu năm</u>		<u>Kết chuyển vào chi</u>		<u>Số cuối kỳ</u>
	Tăng trong kỳ	phí SXKD	phí SXKD	Số cuối kỳ	
Phí bảo hiểm các loại	373,588,400	1,283,503,560	1,223,243,614	433,848,346	
Công cụ dụng cụ chưa phân bổ	303,874,619	607,928,959	533,899,527	377,904,051	
Cộng	677,463,019	1,891,432,519	1,757,143,141	811,752,397	

9. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	TSCĐ khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu kỳ	497,411,632,261	53,379,375,984	12,221,515,931	3,646,123,158	2,915,447,763	569,574,095,097
Tăng trong kỳ	-	4,663,845,194	3,084,581,818	2,007,395,655	118,181,818	9,874,004,485
- Nhận từ PTSC	-	-	-	-	-	-
- Mua sắm mới	-	4,663,845,194	3,084,581,818	2,007,395,655	118,181,818	9,874,004,485
- Đầu tư XD hoàn thành	-	-	-	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-	-
- Điều chuyển tài sản nội bộ Tổng Công ty	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Số dư tại ngày 31/12/2017	497,411,632,261	58,043,221,178	15,306,097,749	5,653,518,813	3,033,629,581	579,448,099,582
Trong đó:						
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	4,912,705,184	7,430,653,960	1,439,943,203	2,294,171,521	50,000,000	16,127,473,868
Giá trị hao mòn						
Số đầu kỳ	168,998,535,165	23,624,354,715	5,601,082,738	2,770,465,697	1,541,180,540	202,535,618,855
Tăng trong kỳ	25,646,248,140	9,287,518,394	1,764,410,598	1,221,485,745	252,829,392	38,172,492,269
- Khấu hao trong kỳ	25,646,248,140	9,287,518,394	1,764,410,598	1,221,485,745	252,829,392	38,172,492,269
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Số dư tại ngày 31/12/2017	194,644,783,305	32,911,873,109	7,365,493,336	3,991,951,442	1,794,009,932	240,708,111,124
Giá trị còn lại						
Số đầu kỳ	328,413,097,096	29,755,021,269	6,620,433,193	875,657,461	1,374,267,223	367,038,476,242
Số cuối kỳ	302,766,848,956	25,131,348,069	7,940,604,413	1,661,567,371	1,239,619,649	338,739,988,458

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM
CÔNG TY CP CẢNG DỊCH VỤ DẦU KHÍ TỔNG HỢP PTSC THANH HOÁ**

Địa chỉ: Xã Nghi Sơn, Huyện Tĩnh Gia, Tỉnh Thanh Hoá

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4 NĂM 2017

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

10. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Bằng phát minh sáng chế	Nhãn hiệu hàng hóa	Phần mềm	Tổng cộng
Nguyên giá	-	-	-	311,989,714	311,989,714
Số đầu kỳ	-	-	-	311,989,714	311,989,714
Tăng trong kỳ	-	-	-	1,327,272,000	
- Mua trong năm	-	-	-	1,327,272,000	
- Đầu tư XD/CB hoàn thành	-	-	-	-	
- Tăng khác	-	-	-	-	
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	
- Chuyển sang BĐS đầu tư	-	-	-	-	
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	
- Giảm khác	-	-	-	-	
Số dư tại ngày 30/09/2017	-	-	-	1,639,261,714	1,639,261,714
Giá trị hao mòn lũy kế	-	-	-	311,989,714	311,989,714
Số đầu kỳ	-	-	-	-	-
Tăng trong kỳ	-	-	-	560,938,666	560,938,666
- Khấu hao trong kỳ	-	-	-	560,938,666	560,938,666
- Điều chuyển nội bộ	-	-	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
- Chuyển sang BĐS đầu tư	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
- Điều chuyển nội bộ	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-
Giá trị hao mòn lũy kế đến 30/09/2017	-	-	-	872,928,380	872,928,380
Giá trị còn lại	-	-	-	-	-
Số đầu kỳ	-	-	-	-	-
Số cuối kỳ	-	-	-	766,333,334	766,333,334

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tổng chi phí xây dựng cơ bản dở dang:	2,203,620,224	2,164,123,725
- Công trình nhà son di động	1,936,423,417	1,896,926,918
- Công trình Bến nổi dài bến số 2	267,196,807	267,196,807
- Công trình nâng cấp bến 1,2	2,215,389,395	
Cộng	4,419,009,619	2,164,123,725

12. Chi phí trả trước dài hạn

	Số đầu kỳ	Tăng trong kỳ	Phân bổ trong kỳ	Số cuối kỳ
- Chi phí sửa chữa, công cụ, dụng cụ, khác	2,558,009,890	6,715,721,991	3,906,876,387	5,366,855,494
- Chi phí dịch vụ thuê tàu, nhân công, vật tư kỹ thuật chuyên dụng phục vụ gói thầu bảo dưỡng SPM, Nhà máy Lọc hóa dầu Nghi Sơn Cộng	-	46,027,846,579	11,700,000,000	34,327,846,579
	2,558,009,890	52,743,568,570	15,606,876,387	39,694,702,073

13. Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

	Số đầu kỳ	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Số cuối kỳ
- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	13,544,907,734	10,486,126,285	3,531,407,570	20,499,626,449
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại (TS 5%)	677,245,387	524,306,314	176,570,378	1,024,981,324

14. Phải trả người bán

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số khả năng trả nợ	Giá trị	Số khả năng trả nợ
Phải trả khách hàng có số dư trên 10% trên tổng nợ phải trả	39,504,333,214	39,504,333,214	41,065,372,638	41,065,372,638
- Công ty Cổ phần Vật tư Thiết bị VIETSHIP	-	-	20,819,492,269	20,819,492,269
- Công ty CP Đầu tư và quản lý tài sản Á Châu	29,189,920,934	29,189,920,934	-	-
- Công ty Cổ Phần Thương Mại Dịch Vụ Kỹ Thuật Chấn Hưng	-	-	9,472,583,693	9,472,583,693
- Công ty CP Dịch vụ kỹ thuật và đầu tư Ngọc Long	10,314,412,280	10,314,412,280	-	-
- Công ty TNHH Phú Quý Hải Hà	-	-	10,773,296,676	10,773,296,676
Phải trả cho khách hàng khác	57,055,018,094	57,055,018,094	63,267,739,514	63,267,739,514
Phải trả người bán các bên liên quan	19,724,163,776	18,700,434,146	11,884,306,335	11,844,706,335
Các bên liên quan cùng Tổng PTSC	17,830,962,064	17,830,962,064	7,337,354,100	7,337,354,100
- Công ty Cảng Dịch vụ Dầu khí	667,034,035	667,034,035	510,776,482	510,776,482
- CN PTSC Hà Nội	-	-	2,787,262,500	2,787,262,500
- Công ty TNHH MTV Cơ khí Hàng Hải	3,843,768,189	3,843,768,189	3,843,768,189	3,843,768,189

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM
CÔNG TY CP CẢNG DỊCH VỤ DẦU KHÍ TỔNG HỢP PTSC THANH HOÁ**

Địa chỉ: Xã Nghi Sơn, Huyện Tĩnh Gia, Tỉnh Thanh Hoá
BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4 NĂM 2017

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

- CN Tổng công cổ phần dịch vụ kỹ thuật dầu khí VN-Công ty tài dịch vụ dầu khí	11,825,130,728	11,825,130,728	-	-
- Khách sạn dầu khí	-	-	3,609,374	3,609,374
- Công ty CP Dịch vụ Lắp đặt, Vận hành và Bảo dưỡng Công trình Dầu khí biển PTSC	1,495,029,112	1,495,029,112	-	-
- CN Tổng Cty CP DVKT DK VN - Cty Dịch Vụ Dầu Khí Đà Nẵng	-	-	121,246,125	121,246,125
- Cty CP Dịch vụ Bảo vệ An ninh Dầu khí VN - CN Nghi Sơn	-	-	70,691,430	70,691,430
Các bên liên quan cùng Tập đoàn	1,893,201,712	869,472,082	4,546,952,235	4,507,352,235
- Công ty CP Bọc Ống Dầu Khí Việt Nam	-	-	4,493,860,634	4,493,860,634
- Công ty Cổ phần Khách Sạn Lam Kinh	-	-	13,345,001	13,345,001
- Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí	-	-	39,600,000	-
- Công ty CP Bảo dưỡng và Sửa chữa Công trình Dầu Khí	1,023,729,630	-	-	-
- CN Tổng Công ty Dung dịch khoan và hóa phẩm Dầu khí - CTCP tại TP.HCM	869,325,482	869,325,482	-	-
- Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Thanh Hóa	146,600	146,600	146,600	146,600
Cộng	116,283,515,084	115,259,785,454	116,217,418,487	116,177,818,487

15. Người mua trả tiền trước

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH Lọc Hóa Dầu Nghi Sơn	13,218,252,637	-
Nova Carriers (Singapore) Pte. Ltd	-	234,827,107
CN Tổng Công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam - Ban dự	9,313,562,292	-
Công ty TNHH Thương mại Quốc tế Hà Thanh	-	521,750,056
Công ty cổ phần dịch vụ bay & du lịch biển Tân Cảng	-	243,174,619
SINOSHIPPING LOGISTICS (KH)	350,738,550	350,738,550
Công ty Cổ Phần LILAMA 18	22,898,999	249,915,587
Công ty CP thi công cơ giới và Dịch vụ	150,000,000	150,000,000
Công ty TNHH Một Thành Viên Sở Phú Thịnh	90,000,000	-
Người mua khác	480,618,995	354,711,710
Cộng	23,626,071,473	2,105,117,629

16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số phải nộp trong kỳ</u>	<u>Số đã nộp trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
-Thuế thu nhập doanh nghiệp	252,264,890	2,109,354,068	1,802,264,889	559,354,069
-Thuế giá trị gia tăng	3,143,198,963	16,738,149,293	19,881,348,256	-
-Thuế thu nhập cá nhân	33,578,035	806,316,873	805,413,654	34,481,254
-Tiền thuế đất	-	-	-	-
-Các loại thuế khác	-	3,000,000	3,000,000	-
Cộng	3,429,041,888	19,656,820,234	22,492,026,799	593,835,323

Thuế giá trị gia tăng

Doanh nghiệp nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng cho cho từng loại dịch vụ phù hợp theo qui định.

Thuế xuất, nhập khẩu

Doanh nghiệp kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế nhà đất

Tiền thuế đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

Thuế thu nhập cá nhân

Doanh nghiệp kê khai và nộp theo qui định.

Thuế nhà thầu

Doanh nghiệp kê khai và nộp theo qui định.

Các loại thuế khác

17. Chi phí phải trả

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Chi phí kiểm toán	-	101,000,000
- Chi phí phải trả khác	20,000,000,000	15,000,000,000
- Chi phí phải trả thực hiện chương trình ASXH	3,000,000,000	-
- Chi phí phải trả về các dịch vụ mua ngoài	12,669,282,816	13,550,221,733
Cộng	35,669,282,816	28,651,221,733

18. Phải trả nội bộ ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Phải trả Tổng công ty về tài sản	22,265,141,740	21,975,710,393
- Phải trả công nợ phát sinh trong kỳ	(1,971,176,517)	289,431,347
Cộng	20,293,965,223	22,265,141,740

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM
CÔNG TY CP CẢNG DỊCH VỤ DẦU KHÍ TỔNG HỢP PTSC THANH HOÁ**

Địa chỉ: Xã Nghi Sơn, Huyện Tĩnh Gia, Tỉnh Thanh Hoá

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4 NĂM 2017

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

Vốn đầu tư của chủ sở hữu	400,000,000,000	400,000,000,000
Vốn góp tại ngày 01/01/2017	400,000,000,000	400,000,000,000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp tại ngày 31/12/2017	400,000,000,000	400,000,000,000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	40,000,000	40,000,000
Cổ phiếu phổ thông	40,000,000	40,000,000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành:	10.000đ/cp	10.000đ/cp

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng doanh thu	662,920,362,886	451,562,351,337
Doanh thu bán hàng	7,820,613,505	5,856,414,995
Doanh thu cung cấp dịch vụ	655,099,749,381	445,705,936,342
Trong đó:		
- Dịch vụ cảng và logistics	172,417,604,896	173,748,836,832
- Dịch vụ gia công cơ khí	149,543,719,858	229,750,861,455
- Dịch vụ tàu lai NSRP	176,039,124,696	-
- Dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng	64,269,844,564	-
- Dịch vụ hỗ trợ dự án và khác	92,829,455,367	42,206,238,055
- Các khoản giảm trừ doanh thu.	-	-
Doanh thu thuần	662,920,362,886	451,562,351,337
<i>Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ</i>	662,920,362,886	451,562,351,337

2. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn của hàng hóa đã bán	7,761,193,582	5,765,481,563
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	591,206,545,187	396,143,931,859
Trong đó:		
- Dịch vụ cảng và logistics	139,145,957,150	154,976,521,759
- Dịch vụ gia công cơ khí	137,304,218,940	201,582,666,204
- Dịch vụ tàu lai NSRP	168,507,434,374	-
- Dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng	62,191,580,691	-
- Dịch vụ hỗ trợ dự án và khác	84,057,354,033	39,584,743,896
Chi phí hao hụt, mất mát hàng tồn kho	-	-
Các khoản chi phí vượt mức bình thường	-	-
Dự phòng giảm giá HTK	-	-
Cộng	598,967,738,769	0 401,909,413,422

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Lãi tiền gửi	6,101,965,293	5,452,352,794
- Hoạt động tài chính khác	359,784,678	350,670,931
- Lãi CLTG chưa thực hiện	3,425,737	194,338
Cộng	6,465,175,708	5,803,218,063

4. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Chi phí cho nhân viên	10,749,588,817	7,260,586,937
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	2,738,610,313	2,776,132,054
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	2,278,140,253	1,775,951,967
- Chi phí dự phòng	1,856,714,170	666,152,588
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	5,742,430,435	4,196,341,261
- Chi phí khác	11,626,578,385	7,604,694,586
Cộng	34,992,062,373	24,279,859,393

5. Thu nhập khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Thu từ bồi thường bảo hiểm	18,728,939	7,259,490
- Thu nhập khác	73,893,197	123,520,477
Cộng	92,622,136	130,779,967

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM
CÔNG TY CP CẢNG DỊCH VỤ DẦU KHÍ TỔNG HỢP PTSC THANH HOÁ

Địa chỉ: Xã Nghi Sơn, Huyện Tĩnh Gia, Tỉnh Thanh Hoá

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4 NĂM 2017

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

6. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Thuế TNDN	8,437,416,271	6,620,968,875
- Thuế TNDN được miễn, giảm	6,328,062,204	4,965,726,656
- Điều chỉnh, bổ sung của năm trước	-	288,137,347
- Chi phí thuế TNDN hiện hành	2,109,354,068	1,943,379,566
Tổng chi phí thuế TNDN	2,109,354,068	1,943,379,566

7. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	66,159,878,316	38,243,635,810
- Chi phí nhân công	75,531,550,882	67,084,596,595
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	38,733,430,935	32,724,255,490
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	416,211,134,964	265,594,448,497
- Chi phí khác	26,615,584,400	19,048,054,129
Cộng	623,251,579,497	422,694,990,521

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Số dư với các bên liên quan

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Phải trả khác	20,293,965,223	22,265,141,740
Tổng Công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	20,293,965,223	22,265,141,740

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Phải thu khác	6,124,046,189	637,970,581
Tổng Công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	3,701,028,625	-
CN Tổng Công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam - Ban dự án Nhiệt điện Long Phú	1,999,767,214	287,896,469
Phải thu Công ty CP Dịch vụ Dầu khí Quảng Ngãi PTSC	423,250,350	350,074,112

2. Báo cáo bộ phận

Để phục vụ cho mục đích quản lý, Công ty chia làm năm bộ phận kinh doanh với các hoạt động chủ yếu như sau:

Bộ phận kinh doanh	Hoạt động
Cung cấp dịch vụ căn cứ Cảng và logistics	Cung cấp dịch vụ căn cứ Cảng và các dịch vụ logistics có liên quan
Dịch vụ hỗ trợ dự án và khác	Thực hiện các dịch vụ hỗ trợ vận hành Nhà máy, cung cấp nhiên liệu và dịch vụ khác
Dịch vụ tàu lai dắt	Dịch vụ tàu lai dắt phục vụ vận hành Nhà máy Lọc hóa Dầu Nghi Sơn
Dịch vụ cơ khí	Thực hiện thi công xây lắp các công trình cơ khí trên bờ..
Dịch vụ sửa chữa bảo dưỡng	Thực hiện dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng Nhà máy

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Khoản mục	Dịch vụ Căn cứ Cảng và logistics	Dịch vụ tàu lai NSRP	Dịch vụ cơ khí	Dịch vụ sửa chữa bảo dưỡng	Dịch vụ hỗ trợ dự án và khác	Cộng
Tài sản	453,350,684,917	111,723,761,981	94,908,373,306	40,789,050,894	63,877,870,090	764,649,741,188
Tài sản bộ phận	453,350,684,917	111,723,761,981	94,908,373,306	40,789,050,894	63,877,870,090	764,649,741,188
Lãi từ Công ty liên kết	-	-		-	-	-
Tài sản không phân bổ	-	-		-	-	-
Nợ phải trả	68,463,545,008	69,901,577,302	59,380,787,718	25,520,255,885	39,966,107,431	263,232,273,344
Nợ phải trả bộ phận	68,463,545,008	69,901,577,302	59,380,787,718	25,520,255,885	39,966,107,431	263,232,273,344

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Doanh thu	Dịch vụ Căn cứ Cảng và logistics	Dịch vụ tàu lai NSRP	Dịch vụ cơ khí	Dịch vụ sửa chữa bảo dưỡng	Dịch vụ hỗ trợ dự án và khác	Cộng
DT thuần từ bán hàng ra bên ngoài	172,417,604,896	176,039,124,696	149,543,719,858	64,269,844,564	100,650,068,872	662,920,362,886
DT thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác	-	-		-	-	-
Tổng doanh thu	172,417,604,896	176,039,124,696	149,543,719,858	64,269,844,564	100,650,068,872	662,920,362,886
Lợi nhuận gộp bộ phận	33,271,647,746	7,531,690,322	12,239,500,918	2,078,263,873	8,831,521,257	63,952,624,117
Chi phí bán hàng và chi phí quản lý	19,550,887,696	3,790,562,089	6,159,917,121	1,045,952,225	4,444,743,243	34,992,062,373
Lợi nhuận từ hoạt động tài chính	6,049,088,196					6,049,088,196

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM
CÔNG TY CP CẢNG DỊCH VỤ DẦU KHÍ TỔNG HỢP PTSC THANH HOÁ**

Địa chỉ: Xã Nghi Sơn, Huyện Tĩnh Gia, Tỉnh Thanh Hoá

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4 NĂM 2017

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	13,720,760,051	3,741,128,233	6,079,583,797	1,032,311,648	4,386,778,014	28,960,561,744
Lợi nhuận từ hoạt động khác	(473,929,533)	-	-	-	-	(473,929,533)
Lợi nhuận trước thuế	19,295,918,714	3,741,128,233	6,079,583,797	1,032,311,648	4,386,778,014	34,535,720,407
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	1,178,545,696	228,498,609	371,325,534	63,050,973	267,933,257	2,109,354,068
Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	(347,735,936)					(347,735,936)
Lợi nhuận trong năm	18,465,108,954	3,512,629,625	5,708,258,263	969,260,675	4,118,844,757	32,774,102,275

3. Thông tin so sánh

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm nay	Năm trước
Cơ cấu tài sản và cơ cấu nguồn vốn			
<i>Cơ cấu tài sản</i>			
Tài sản ngắn hạn/Tổng số tài sản	%	49.70	45.04
Tài sản dài hạn/Tổng số tài sản	%	50.30	54.96
<i>Cơ cấu nguồn vốn</i>			
Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	34.43	27.24
Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	65.57	72.76
Khả năng thanh toán			
Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn	Lần	1.44	1.65
Khả năng thanh toán nhanh	Lần	1.38	1.53
Tỷ suất sinh lời			
<i>Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu</i>			
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên doanh thu thuần	%	5.21	6.90
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu thuần	%	4.94	6.49
<i>Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản</i>			
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên tổng tài sản	%	4.52	4.60
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu	%	6.54	5.94

Thanh Hoá, ngày 15 tháng 01 năm 2018



Nguyễn Văn Mạnh
Người lập



Nguyễn Hữu Hoan
Kế toán trưởng



Phạm Hùng Phương
Giám đốc

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN
DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG DỊCH VỤ
DẦU KHÍ TỔNG HỢP PTSC THANH HÓA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 55 /TH-TCKT

Thanh Hóa, ngày 17 tháng 01 năm 2017

V/v: Giải trình chênh lệch lợi nhuận sau thuế
trên 10% của quý 4/2017 so với quý 4/2016

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX)

Căn cứ Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, **áp dụng tại Mục a, Khoản 4 Điều 11**: Tổ chức niêm yết, công ty đại chúng quy mô lớn phải giải trình nguyên nhân khi xảy ra một trong các trường hợp “Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ công bố thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước”. Căn cứ vào Báo cáo Tài chính quý 4 năm 2017, PTSC Thanh Hóa có giải trình như sau:

Lợi nhuận sau thuế TNDN quý 4 năm 2017 (5,405 tỷ đồng) giảm 1,290 tỷ đồng (tương đương 19,2%) so với quý 4 năm 2016 (6,695 tỷ đồng) chủ yếu do một số nguyên nhân sau:

- Trong quý 4 năm 2017 lợi nhuận gộp là 15,733 tỷ đồng tăng 1,870 tỷ đồng so với quý 4 năm 2016, tương ứng khoảng 13,49%.

- Trong quý 4 năm 2017 chi phí quản lý tăng 2,9 tỷ đồng so với quý 4 năm 2016, dẫn đến lợi nhuận sau thuế giảm tương ứng 2,9 tỷ đồng, do trong kỳ đơn vị thực hiện tài trợ chương trình an sinh xã hội tại tỉnh Thanh Hóa 3 tỷ đồng

- Doanh thu hoạt động tài chính trong quý 4 năm 2017 giảm 0,3 tỷ đồng so với quý 4 năm 2016, dẫn đến lợi nhuận sau thuế giảm tương ứng 0,3 tỷ đồng.

Trên đây là giải trình cho các chênh lệch chủ yếu của Báo cáo Tài chính quý 4 năm 2017 so với Báo cáo Tài chính quý 4 năm 2016 của Công ty.

Trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, BKS (b/cáo);
- Lưu: TCKT, TK, VT.

GIÁM ĐỐC



PHẠM HÙNG PHƯƠNG